

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN
ĐÀM ĐOI, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2024/HNGĐ-ST

Ngày 09 - 5- 2024

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM ĐOI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Biện Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà

Ông Châu Trung Trực

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 09 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 125/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2024 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1959; địa chỉ cư trú: Ấp Xóm Rẫy, xã QPB, huyện Đam D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn T, sinh năm 1947; địa chỉ cư trú: Ấp Kinh N, xã Quách Phẩm B, huyện Đam D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày:*

- *Về hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị Đ và ông Lê Văn T chung sống vào năm 1977, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống giữa ông bà phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng có hoà giải nhưng không được. Nay bà Đ yêu cầu không công nhận bà và ông T là vợ chồng.

- *Về con chung:* Lê Văn L, sinh năm 1980, Lê Văn H, sinh năm 1982 và Lê Văn Đ, sinh năm 1989 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết việc nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ người khác và người khác nợ lại:* Không có.

** Bị đơn ông Lê Văn T:* Không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Đ có yêu cầu giải quyết vắng mặt, ông Lê Văn T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Đ và ông Lê Văn T kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, không đăng ký kết hôn. Bà Đ có yêu cầu ly hôn, ông T không có ý kiến. Hội đồng xét xử xét thấy mặt dù bà Đ với ông T khi chung sống không có đăng ký kết hôn nhưng tại điểm a mục 3 nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình quy định: *“Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03/01/1987, ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng lý kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn; trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Toà án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.”*. Do đó, quan hệ hôn nhân của bà Đ và ông T được xem như hôn nhân thực tế, quá trình giải quyết vụ án ông T không phản đối yêu cầu ly hôn của Bà Đ. Do đó, cho thấy quá trình chung sống giữa ông bà đã xảy ra mâu thuẫn, quan hệ hôn nhân không còn tồn tại, nếu tiếp tục duy trì cũng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Đ cho bà Đ được ly hôn ông T.

[3] Về con chung: Xét thấy, các con chung của ông bà đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ người khác, người khác nợ lại: Bà Đ xác định không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Đ phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 51, 53, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; Thông tư liên tịch 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí tòa án;

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ, cho bà Nguyễn Thị Đ được ly hôn ông Lê Văn T.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Đ là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Biện Thị Nhung

